TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/DS-PT
Ngày 18-10-2024
"V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc *"Tranh chấp về bồi thường thiệt hại Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính",* do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 19-6-2024 của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2024/QĐ-PT ngày 19-8-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2024/QĐ-PT ngày 06-9-2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 131/2024/QĐ-PT ngày 27-9-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Xuân T và bà Bùi Thị Kim T1; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Công D, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:

- Ông Phạm Minh A, chức vụ: Trưởng phòng Tư pháp huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Vắng mặt.

- Ông Phạm Văn H, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

- Ông Trịnh Phú Y, chức vụ: Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

- Ông Bùi Văn Đ, chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Đ-T - Có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13-5-2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông T, bà T1 là người sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 316, tờ bản đồ số 12, diện tích 330m^2 tọa lạc tại thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (đã được cấp GCNQSDĐ) và tài sản gắn liền trên đất, phục vụ cho hoạt động kinh doanh, thu mua, chế biến cà phê, đăng ký lần đầu năm 2005, do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đ cấp. Ngày 19/7/2006, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1677/QĐ-UBND thu hồi đất của 141 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã N để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy, tuyển quặng boxit và sản xuất A tại xã N. Trong đó, có thửa số 316, tờ bản đồ số 12 nêu trên của ông T, bà T1. Không đồng ý với Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 19/7/2006; Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 12/9/2006 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 cưỡng chế thu hồi đất và các quyết định khác để thực hiện việc thu hồi đất nên ông bà đã khiếu nại, khởi kiện. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 160/2021/HC-PT ngày 31/3/2021 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận đơn kháng cáo của ông bà, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 08/9/2020 của TAND tỉnh Đăk Nông: Tuyên hủy Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 19/7/2006; Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 12/9/2006; Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 và các quyết định khác có liên quan. Ngày 02/10/2023, UBND huyện Đ tổ chức thương lượng với ông T, bà T1 nhưng kết quả không thành.

Ngày 13/10/2023, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường: - Nhà cửa, vật kiến trúc số tiền là 460.000.000đ; - Thiệt hại về máy móc, thiết bị số tiền 260.000.000đ; - Thiệt hại thu nhập thực tế bị mất số tiền là 4.623.000.000đ; - Chi phí hợp lý khác số tiền là 189.000.000đ. Tổng số tiền là 5.541.100.000đ.

Ngày 13/5/2024, nguyên đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu: - Nhà cửa, vật kiến trúc số tiền là 460.000.000đ; - Thiệt hại về máy móc, thiết bị số tiền 260.000.000đ; - Thiệt hại phát sinh do việc không sử dụng, khai thác quyền sử dụng đất là 5.138.258.400đ; - Thiệt hại thu nhập thực tế bị mất là 2.534.190.000đ; - Chi phí hợp lý khác số tiền là 189.000.000đ. Tổng số tiền là 8.581.358.400đ.

Tại phiên hòa giải ngày 28/5/2024, ông T, bà T1 yêu cầu UBND huyện Đ bồi thường số tiền 3.000.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông T, bà T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 5.138.548.400đ, yêu cầu bị đơn bồi thường 3.443.000.000đ.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Ngày 31/8/2023, UBND huyện Đ nhận được hồ sơ của bà Bùi Thị Kim T1 yêu cầu giải quyết bồi thường Nhà nước theo Bản án hành chính phúc thẩm số 160/2021/HC-PT ngày 21/3/2021 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền yêu cầu bồi thường là 6.365.633.382đ. Sau khi nhận được văn bản yêu cầu bồi thường, UBND huyện Đ ban hành Thông báo số 191/TB-UBND về việc thụ lý hồ sơ yêu cầu bồi thường. Ngày 6/9/2023, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2778/QĐ-UBND cử người giải quyết bồi thường, tiến hành họp và các đơn vị thống nhất đưa ra mức bồi thường là 460.000.000đ. Ngày 29/9/2023, UBND huyện Đ tiến hành họp giải quyết một số nội dung liên quan yêu cầu bồi thường thiệt hại cho hộ bà Bùi Thị Kim T1, ông Hà Xuân T có sự tham gia của các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo trước đây, kết quả việc yêu cầu bồi thường của ông T, bà T1 liên quan đến nội dung trên là khó xác định và thẩm định giá phù hợp nên các bên tham dự ý kiến phương án giải quyết bồi thường không có điểm chung. Ngày 02/10/2023, UBND huyện Đ tiến hành thương lượng việc bồi thường với sự tham gia của Sở Tư pháp, các phòng ban chuyên môn liên quan, gia đình ông T, bà T1 nhưng kết quả thương lượng không thành. Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 19-6-2024 của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông quyết định: Căn cứ vào khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 39; 147 và 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 364; 589 và 598 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 22; 23; 24; khoản 8 Điều 46; khoản 2 Điều 52; khoản 1 Điều 53 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: 1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường 5.138.548.400đ. 2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn 3.443.000.000đ, gồm: - Nhà, công trình, vật kiến trúc là 649.225.810đ; - Thiệt hại về máy móc, thiết bị 260.000.000đ; - Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất là 2.534.190.000đ (10 năm từ năm 2011 đến 2021).

Ngoài ra, Hội đồng xét xử Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hoàn trả, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 04-7-2024, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn bồi thường tổng số tiền là 8.581.358.400đ.

Ngày 03-7-2024, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ giá trị nhà cửa, công trình, vật kiến trúc bị thiệt hại của ông T, bà T1; lợi nhuận doanh nghiệp đối với 03 năm Covid; cách tính bình quân lợi nhuận doanh nghiệp trong 03 năm 2008, 2009 và 2010; thiệt hại về máy móc, trang thiết bị hư hỏng và án phí.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và kháng cáo; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

[2]. Về nội dung vụ án, kháng cáo:

[2.1]. Về nhà cửa, vật kiến trúc: Tại Bảng chi tiết giá trị bồi thường nhà, công trình, vật kiến trúc hộ bà Bùi Thị Kim T1 (bút lục số 224-225) của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đ có xác định thiệt hại của gia đình ông T, bà T1 bằng tiền là 649.225.810đ. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý bồi thường theo số tiền này, nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 460.000.000đ. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn số tiền 649.225.810đ là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản là không khách quan.

[2.2]. Về thiệt hại máy móc, thiết bị 260.000.000đ: Tại Biên bản kiểm kê tài sản của đối tượng bị cưỡng chế từ chối nhận ngày 20-4-2011 (bút lục số 181) thì ông T, bà T1 từ chối không nhận mang theo ra khỏi khu vực đất thu hồi các tài sản gồm 02 lò sấy, 02 sàn phân loại, 01 quạt cà phê và 01 công tơ điện 03 pha. Tại Thông báo số: 01/TB-HĐCC ngày 09-9-2011 của Hội đồng cưỡng chế THĐ của UBND huyện Đ về việc giao trả lại tài sản của đối tượng bị cưỡng chế từ chối nhận (bút lục số 187) đã thông báo cho ông T, bà T1 đến nhận lại tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà T1 trình bày có nhận được thông báo này nhưng do không có nơi để tài sản nên không đến nhận lại tài sản. Tại Công văn số: 343/VNAP-PMU-HCTH ngày 16-9-2024 của Ban Q1 ghi nhận *"Công tác cưỡng chế được triển khai thực hiện ngày 20/4/2011, sau khi thực hiện cưỡng chế thì tài sản của đối tượng cưỡng chế từ chối nhận đã được đưa về và để tại khu vực Trụ sở tạm Ban Quản lý dự án, thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Do thời gian từ khi thực hiện cưỡng chế đến nay chưa được Hội đồng cưỡng chế xử lý, <u>các tài sản này để ngoài trời với điều kiện thời tiết mưa nắng Tây nguyên nên một số tài sản đã bị gỉ sét và mục nát</u>"*. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa định giá tài sản, thẩm định giá tài sản đối với các tài sản này theo quy định pháp luật (cần có sự tính toán về khấu hao tài sản từ thời điểm ông T, bà T1 mua đến

thời điểm bị cưỡng chế thu hồi đất); cũng như đánh giá lỗi của các bên và của người được giao quản lý tài sản (nếu có) để xác định trách nhiệm bồi thường.

[2.3]. Về số tiền 5.138.258.400đ mà ông T, bà T1 đã rút tại phiên tòa sơ thẩm: Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn có rút số tiền này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền này là thuộc nội dung yêu cầu cụ thể nào của nguyên đơn.

[2.4]. Về thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất 2.534.190.000đ: Khoản 2 Điều 24 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định: *"2. Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại là tổ chức bao gồm các khoản thu nhập theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập được bồi thường được xác định căn cứ vào thu nhập trung bình của 02 năm liền kề trước thời điểm xảy ra thiệt hại. Việc xác định thu nhập trung bình được căn cứ vào báo cáo tài chính của tổ chức theo quy định của pháp luật…"*. Tại Biên bản làm việc ngày 11-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, Chi cục Thuế khu vực Đ-T cung cấp thông tin, tài liệu: Lợi nhuận trước thuế của hộ kinh doanh ông T, bà T1 năm 2008 là 253.419.000 đồng, 2009 là 30.539.190 đồng và 2010 là -371.574.782 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ mức thu nhập năm 2008 để tính mức bồi thường thiệt hại trong 10 năm từ 2011 là không đúng quy định.

[2.5]. Về chi phí hợp lý khác 189.000.000đ: Căn cứ Điều 28 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì yêu cầu này của ông T, bà T1 là có căn cứ pháp luật nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết là bỏ sót yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.6]. Từ các nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về án phí, lệ phí, các loại phí khác và thuế trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường quy định: *"Cơ quan giải quyết bồi thường không thu các khoản án phí, lệ phí và các loại phí khác đối với nội dung yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này"*. Do đó, khi xét xử lại vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm cần áp dụng đúng quy định pháp luật để quyết định về án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 19-6-2024 của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0002869 ngày 10-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đăk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương